

1. 11. 7. 7

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I - HÀ NỘI

Bùi Thị Gia

**NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NHẪM
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU
Ở HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Kinh tế và tổ chức lao động
Mã số : 5. 02. 07

LT 7781

TÓM TẮT
LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2001

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

GS TS. Trần Đình Đăng

Phản biện 1: PGS. TS. Hoàng Việt

Phản biện 2: PGS. TS. Chu Hữu Quý

Phản biện 3: PGS. TS. Trần Khắc Thi

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước họp tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội vào hồi giờ, ngày tháng năm .. 201..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện quốc gia Hà Nội

Thư viện trường Đại học Nông nghiệp I

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rau là loại thực phẩm không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày. Rau còn có giá trị kinh tế như để xuất khẩu, làm nguyên liệu cho chế biến, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. Phát triển sản xuất rau còn có tác dụng tạo việc làm và tăng thu nhập cho hộ gia đình.

Tuy sản xuất rau có ý nghĩa lớn về mặt dinh dưỡng, kinh tế và xã hội nhưng từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, ngành sản xuất rau bị thả nổi từ sản xuất đến tiêu thụ. Sản xuất giống gì ? ở đâu ? sản xuất theo công nghệ nào? chất lượng ra sao? giá bán bao nhiêu ? v.v... hầu hết đều khoán trắng cho người sản xuất và người tiêu dùng định liệu. Tuy sản lượng rau bình quân đầu người còn thấp nhưng trên thị trường vẫn xảy ra hiện tượng cung lớn hơn cầu dẫn đến giá rẻ ảnh hưởng đến tâm lý mở rộng qui mô và thu nhập của người trồng rau.

Về thực hiện các biện pháp kỹ thuật cũng có nhiều vấn đề cần được quan tâm. Do thiếu hiểu biết về khoa học kỹ thuật và thiếu sự chỉ đạo của các cấp, các ngành nên dẫn đến hiện tượng lạm dụng các chế phẩm hoá học trong sản xuất gây mất an toàn thực phẩm và ô nhiễm môi trường, đất và nước. Đây là một vấn đề quan trọng đòi hỏi các cơ quan chức năng phải có những giải pháp trong thời gian tới để sản phẩm rau của nước ta sánh được với sản phẩm của các nước tiên tiến và đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng.

Gia Lâm là một huyện thuộc vành đai thực phẩm của thành phố Hà Nội, là nguồn cung cấp cho thị trường, nhất là thành phố Hà Nội một lượng rau tương đối lớn, nhưng sản xuất rau của huyện cũng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu và giải quyết như sau:

Thứ nhất: Trong điều kiện đất đai qui mô nhỏ của hộ gia đình, làm thế nào để có sản phẩm hàng hoá tập trung?

Thứ hai: Chất lượng rau chưa cao, phẩm cấp và độ an toàn kém xa tiêu chuẩn quốc tế, vậy Gia Lâm cần giải quyết những vấn đề gì để nâng cao chất lượng rau?

Thứ ba: Việc tiêu thụ rau của nông dân còn nhiều khó khăn ách tắc, gây nhiều thiệt thòi cho người trồng rau.

Thứ tư: Việc sử dụng quá mức khuyến cáo các loại phân bón hoá học và thuốc trừ sâu ngoài ảnh hưởng xấu đến chất lượng rau còn có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả sử dụng đầu vào cũng là điều cần quan tâm.

Thứ năm: Con người là yếu tố tích cực của sản xuất, trình độ của người sản xuất về mọi mặt có ảnh hưởng đến phát triển sản xuất rau. Vậy làm thế nào để nâng cao trình độ của người sản xuất cũng là vấn đề cần được làm rõ.

Cho đến nay, các vấn đề trên chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Vậy luận án "*Những biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm, Hà Nội*" sẽ góp phần giải quyết các vấn đề thực tế đặt ra ở trên.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Mục đích chung của luận án là đề xuất các biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau của huyện Gia Lâm theo hướng bền vững và hiệu quả trong những năm tới.

2.2. Mục đích cụ thể

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển sản xuất rau.
- Đánh giá thực trạng phát triển sản xuất rau của Gia Lâm trong giai đoạn 1991-1998.
- Đề xuất một số biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau của huyện giai đoạn 2000-2010.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài thuộc khía cạnh kinh tế - kỹ thuật của một số biện pháp phát triển sản xuất rau.

Phạm vi nghiên cứu là các biện pháp phát triển sản xuất rau trên địa bàn huyện ở Gia Lâm.

4. Những kết quả và đóng góp chủ yếu của luận án

- Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển sản xuất rau.
- Đã tổng hợp được tình hình sản xuất rau của các nước và rút ra những bài học kinh nghiệm cho phát triển sản xuất rau ở Việt Nam.

- Luận án đã phản ánh và đánh giá toàn diện thực trạng phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm, chỉ ra những khó khăn và hạn chế trong phát triển rau của huyện.

- Đã đề xuất những biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau theo hướng hiệu quả, hiện đại và bền vững.

5. Bố cục của luận án

Luận án gồm 151 trang, ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Phát triển sản xuất rau - cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Đặc điểm cơ bản của huyện Gia Lâm và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng phát triển sản xuất rau huyện Gia Lâm

Chương 4: Những biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm

CHƯƠNG 1: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Vị trí và đặc điểm của sản xuất rau

Ngành sản xuất rau là một bộ phận không thể thiếu của nền kinh tế quốc dân, mặc dù chỉ chiếm khoảng 3% trong tổng giá trị ngành nông nghiệp. Rau cung cấp thực phẩm thiết yếu cho người, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, hàng hoá cho xuất khẩu. Phát triển sản xuất rau góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, của vùng. Sản xuất rau tạo thêm việc làm, tận dụng đất đai và là nguồn tăng thu nhập cho hộ. Phát triển sản xuất rau còn góp phần tăng lượng vitamin và chất dinh dưỡng nhằm cải thiện bữa ăn.

Sản xuất rau có những đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất: Sản xuất rau là ngành mang tính hàng hoá cao, sau khi thu hoạch 85%-99% sản lượng rau trở thành hàng hoá trao đổi trên thị trường, do vậy sản xuất phải gắn với tiêu thụ, vận chuyển và phân phối.

Thứ hai: Rau là loại sản phẩm dễ hỏng vì đa số các loại rau có hàm lượng nước cao (75-90%), dễ hao hụt về trọng lượng, giảm sút về phẩm chất. Đặc điểm này đòi hỏi phải bố trí sản xuất tập trung, chuyên môn hoá, gắn với giao thông để bảo đảm vận chuyển nhanh chóng, kịp thời, tiêu thụ nhanh, đồng thời phải tổ chức tốt việc bảo quản, chế biến, dự trữ để duy trì được phẩm chất.

Thứ ba: Sản xuất rau đòi hỏi đầu tư nhiều công lao động, yêu cầu thời vụ nghiêm ngặt, vì hầu hết các loại rau có thân và lá mềm, bộ rễ nhỏ, yếu, nhạy cảm với điều kiện ngoại cảnh, nhất là nhiệt độ, độ ẩm và lượng mưa, cho nên người sản xuất phải nắm được yêu cầu của từng loại rau, bố trí thời vụ gieo trồng thích hợp, tạo điều kiện tối ưu cho cây trồng phát triển.

Thứ tư: Rau là loại cây trồng ngắn ngày, rất phong phú về chủng loại, vì vậy cần tổ chức tốt các dịch vụ về phân bón, thuốc trừ sâu, chăm sóc kịp thời và phù hợp với đặc điểm sinh lý của từng cây rau.

1.2. Phát triển sản xuất rau- cơ sở lý luận và thực tiễn

1.2.1. Tăng trưởng và phát triển

Tăng trưởng thể hiện sự tăng thêm về lượng còn phát triển biểu thị sự chuyển biến từ một trạng thái thấp lên một trạng thái cao hơn. Phát triển bao hàm cả lượng và chất, trong đó tăng trưởng là tiền đề cho sự phát triển.

1.2.2. Đặc thù của tăng trưởng và phát triển sản xuất nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành sản xuất đặc biệt, đối tượng của nó là sinh vật sống (cây trồng và vật nuôi), tăng trưởng và phát triển phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố (tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật, xã hội), kết quả sản xuất không tăng cùng tỉ lệ với mức sử dụng đầu vào.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển sản xuất rau và có thể chia thành nhóm nhân tố kinh tế và nhân tố phi kinh tế. Nhân tố kinh tế (vốn, lao động, đất đai, kỹ thuật, công nghệ...) là các luồng đầu vào mà sự biến đổi của nó trực tiếp làm thay đổi khối lượng đầu ra. Nhân tố phi kinh tế (thể chế, tập quán sản xuất, đặc điểm văn hoá xã hội, khí hậu thời tiết...) là các yếu tố không trực tiếp nhằm vào mục tiêu kinh tế nhưng gián tiếp có ảnh hưởng tới sự tăng trưởng và phát triển.

1.2.4. Phát triển và biện pháp phát triển sản xuất rau

Phát triển sản xuất rau là sự gia tăng về quy mô, sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu chủng loại, mùa vụ và chất lượng sản phẩm sản xuất ra, nó thể hiện ở sự

gia tăng về quy mô diện tích, sản lượng, tỉ trọng giá trị ngành rau; tỉ lệ hợp lý giữa các nhóm rau, tỉ lệ rau mùa đông, mùa hè thích hợp; tỉ lệ nhóm rau cao cấp, tỉ lệ rau phẩm cấp loại A (tốt) ngày càng chiếm đại đa số.

Ngoài ra tính hiệu quả kinh tế, những lợi ích về xã hội và môi trường do phát triển sản xuất rau mang lại cũng là biểu hiện của sự phát triển.

Biện pháp là cách làm hoặc cách giải quyết một vấn đề cụ thể. Biện pháp phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm là cách giải quyết những khó khăn tồn tại nhằm xây dựng ngành rau ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp, hiện đại với mục đích tăng diện tích, năng suất, sản lượng, tăng tỷ trọng ngành rau, tăng tỉ lệ rau cao cấp, rau an toàn, rau mùa hè, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường cảnh quan, phát triển bền vững và hiệu quả.

1.3. Tình hình phát triển sản xuất rau của một số nước trên thế giới và ở Việt Nam

1.3.1. Tình hình phát triển sản xuất rau của một số nước trên thế giới

Sản lượng rau của thế giới năm 1997 là 595,6 triệu tấn, trong đó châu Á: 395,2 triệu tấn, chiếm 66%, nước có diện tích và sản lượng lớn nhất là Trung Quốc.

Sản xuất rau của một số nước khu vực: Đài Loan, Hàn Quốc, Nepal, Indônêxia, Ấn Độ, Thái Lan và một số nước khác trong giai đoạn vừa qua đều có diện tích gieo trồng tăng (trừ Đài Loan), năng suất xung quanh 10 tấn/ha. Các kênh marketing rau rất đa dạng, mỗi nước có cách tổ chức tiêu thụ tương đối khác nhau. Ở các nước phát triển sản xuất và lưu thông phân phối được thực hiện có tổ chức và gắn với thị trường. Ở các nước đang phát triển bình quân rau trên đầu người đều còn ở dưới mức yêu cầu dinh dưỡng. Những khó khăn trong sản xuất rau ở các nước đang phát triển xung quanh các vấn đề lớn như thiếu giống tốt, phân bón, thuốc trừ sâu, thiếu thông tin thị trường, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất rau yếu kém, đầu tư cho nghiên cứu phát triển rau rất hạn chế.

1.3.2. Tình hình phát triển rau ở Việt Nam

Thống kê 1997 diện tích rau của cả nước là 377 nghìn ha, sản lượng 4,687 triệu tấn, năng suất 130 tạ/ha. Tốc độ tăng diện tích giai đoạn 1991 - 1997 là 5.5%/năm, tăng sản lượng là 6,9%/năm và năng suất 1,3%/năm.

Diện tích trồng rau chuyên canh ven thành phố, khu đô thị và khu công nghiệp là 130.000 ha với sản lượng hàng năm khoảng 1,78 triệu tấn, chiếm tỉ lệ tương ứng 34,7% và 37% của cả nước.

Diện tích vùng rau luân canh với lúa và các cây hoa màu khác khoảng 241.000 ha, sản lượng 3,05 triệu tấn, bằng 63% tổng sản lượng rau của cả nước. Các vùng rau có sản phẩm hàng hoá lớn gồm vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ, vùng rau Lâm Đồng, Đà Lạt, vùng rau thành phố Hồ Chí Minh và các khu phụ cận. Hiện nay có trên 40 loại rau được trồng và bán trên thị trường nước ta, rau vụ đông xuân chủng loại phong phú hơn rau mùa hè. Những năm gần đây ngành rau có bước tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn những tồn tại lớn:

- Năng suất, hiệu quả thấp: sản lượng tăng chủ yếu là do tăng diện tích, diện tích gieo trồng chiếm 3.9% nhưng giá trị mang lại chỉ gần 3% trong tổng giá trị ngành trồng trọt.

- Chất lượng rau chưa đảm bảo, nên chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm giá thành cao, bao bì đơn giản, nghèo nàn chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu.

- Sản xuất phân tán chưa tạo được lượng sản phẩm hàng hoá lớn gây khó khăn cho xuất khẩu và chế biến công nghiệp.

- Kỹ thuật canh tác tiên tiến chưa được áp dụng nhiều, chủ yếu sản xuất vẫn còn thủ công, trình độ kỹ thuật còn chênh lệch nhiều giữa các vùng.

Nguyên nhân tồn tại:

- Giống đang sử dụng ở nước ta hiện nay hầu hết là giống cũ, năng suất thấp, chóng chịu sâu bệnh kém.

- Đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất giống và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong trồng trọt còn quá ít. Hệ thống quản lý, cung cấp

giống cây trồng cho nông dân chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ và chưa được quan tâm đúng mức.

- Trình độ công nghệ và thiết bị chế biến lạc hậu; cơ sở hạ tầng, đường xá, kho tàng bến cảng... còn yếu và thiếu.

- Công tác marketing còn yếu, chưa tìm kiếm và tạo được thị trường xuất khẩu ổn định. Hệ thống vận chuyển lưu thông trong nước chưa hình thành đồng bộ, còn gây lãng phí lớn.

- Về mặt ý thức và tư tưởng: ngành sản xuất rau chưa được quan tâm đúng mức, thực tế vẫn còn xem nhẹ.

133. Bài học kinh nghiệm về phát triển sản xuất rau của thế giới và Việt Nam

- Thế giới

1. *Khuyến khích sản xuất rau:* Để tăng rau mùa hè chính phủ Đài Loan đã giới thiệu phương pháp trồng rau trong nhà lưới, nhà vòm cho nông dân từ năm 1971, đã gắn chính sách khuyến khích nông dân hình thành các vùng chuyên canh rau vào chương trình phát triển nông thôn của Đài Loan từ năm 1973 và lấy hội nông dân là người trực tiếp giúp đỡ nông dân tổ chức sản xuất và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật.

2. *Trợ giá đầu vào cho nông dân:* Ở các nước đang phát triển, tuy ngân sách hạn hẹp nhưng hầu hết chính phủ đều trợ giá đầu vào cho nông dân. Các nước này cho rằng sản xuất rau không thể phát triển mạnh nếu không có giống tốt. Họ cũng cho rằng đại bộ phận nông dân là những người sản xuất nhỏ, thiếu vốn để mua phân bón, thuốc trừ sâu và giống mới, do đó cần có sự hỗ trợ của nhà nước.

3. *Về tiêu thụ sản phẩm, giá cả và thị trường:* Các nước đang phát triển đều cho rằng, sản xuất nhỏ phân tán và manh mún ở các hộ gia đình là nguyên nhân gây ra sự không đồng đều về sản phẩm và gây khó khăn cho việc thu gom tiêu thụ. Hệ thống marketing do tư nhân đảm nhiệm chưa làm tốt chức năng phân phối lưu thông, kênh tiêu thụ có sự tham gia của HTX là kênh tỏ ra hiệu quả nhất (Srilanka, Ấn Độ). Để ổn định giá và lưu thông rau, chính phủ đã thực hiện chương trình bảo đảm giá tiêu thụ theo hợp đồng (Đài Loan từ năm 1976), hoặc thu mua trực tiếp,

điều chỉnh thị trường bán buôn, ổn định cung qua kế hoạch sản xuất và dự trữ, cải tiến thông tin thị trường (Hàn Quốc).

4. *Về bảo quản chế biến:* Các nước đều cho rằng, sản xuất rau không thể phát triển nếu bảo quản và chế biến không được tiêu chuẩn hoá vì rau là sản phẩm dễ hỏng, vì vậy Chính phủ các nước đã có chính sách hỗ trợ để hiện đại hoá trang thiết bị bảo quản (Hàn Quốc), có chính sách tập trung phát triển công nghệ sau thu hoạch, tăng cường các trang thiết bị chế biến (Ấn Độ).

5. *Về thay đổi cơ cấu chủng loại rau:* Các chủng loại rau được trồng hay không phụ thuộc vào thu nhập mà nông dân mong đợi, do đó muốn thay đổi cơ cấu chủng loại nhà nước phải có chính sách thu hút người sản xuất.

6. *Về khuyến nông:* Nông dân không thể tiếp thu chính xác kỹ thuật canh tác nếu không có trình độ văn hoá và không có sự hướng dẫn thường xuyên của cơ quan khuyến nông và các nhà khoa học ((Indônêxia, Ấn độ).

7. *Hướng nghiên cứu rau:* Các nước phát triển hiện nay nhằm vào giải quyết các vấn đề làm thế nào để nông dân sản xuất những rau phù hợp với yêu cầu và sở thích của người tiêu dùng, làm thế nào để nông dân giảm giá thành sản xuất để đứng vững trong cuộc cạnh tranh trên thị trường mở toàn cầu: ứng dụng lý thuyết kinh tế phúc lợi công cộng để phân tích và đánh giá ích lợi do chính sách phát triển sản xuất của chính phủ mang lại.

- *Việt Nam*

1. Đã hình thành được các vùng chuyên canh tương đối tập trung quanh các thành phố lớn và Đà Lạt

2. Nhà nước đã chú ý đầu tư cho các trạm nghiên cứu, thử nghiệm, thuần hoá và duy trì các giống rau cao cấp nhập từ vùng ôn đới, duy trì và sản xuất giống cung cấp cho sản xuất,

3. Đã áp dụng mạnh mẽ cây rau vụ đông, sớm áp dụng luân canh rau một cách phù hợp với từng tiểu vùng, đặc biệt là trồng xen, trồng gối.

4. Đã chú ý có chủ trương sản xuất rau an toàn nhằm nâng cao chất lượng, bảo vệ sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, phù hợp với xu thế phát triển nền nông nghiệp sinh thái.

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HUYỆN GIA LÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm cơ bản của huyện Gia Lâm

- Gia Lâm là 1 huyện ngoại thành Hà Nội, với 17.285ha đất tự nhiên, 8.448 ha đất canh tác, 74.142 hộ, 312.223 khẩu, 127.602 lao động.

- Đất đai Gia Lâm phần lớn là đất phù sa 85%, thuộc loại đất tốt rất thích hợp cho trồng rau.

- Gia Lâm có nguồn nước sạch dồi dào từ sông Hồng và sông Đuống, là lợi thế của Gia Lâm trong việc phát triển rau an toàn so với các huyện khác như Thanh Trì, Từ Liêm.

- Gia Lâm có hệ thống đường bộ, đường thủy, đường không nối Gia Lâm với các vùng, các tỉnh trong nước và quốc tế, rất thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu thông rau trong nước và xuất khẩu.

- Gia Lâm có lực lượng lao động dồi dào và có kinh nghiệm trồng rau từ lâu đời, có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển rau là cây đòi hỏi đầu tư nhiều công lao động.

- Đặc biệt Gia Lâm cách nội thành Hà Nội không xa, là thị trường tiêu thụ khá lớn mà cho đến nay các huyện ngoại thành mới đáp ứng được 70% nhu cầu.

- Thêm nữa, Gia Lâm có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp xúc với khoa học kỹ thuật do gần các cơ quan nghiên cứu, đào tạo nông nghiệp của TƯ- trường Đại học Nông nghiệp I và Viện Nghiên cứu Rau quả.

- Song, Gia Lâm còn gặp khó khăn về tưới cho cây rau vụ đông, do hệ thống thủy lợi xây dựng trước đây chủ yếu nhằm phục vụ cho cây lúa và ở vùng bãi chưa có hệ thống thủy lợi.

- Đặc điểm khí hậu gây khó khăn cho sản xuất rau: tháng 7,8,9. thường xảy ra lũ lụt, từ tháng 1- 3 thường có mưa phùn và độ ẩm cao, tháng 9,10 mưa kéo dài hoặc mùa khô đến sớm sẽ gây trở ngại cho sản xuất rau đông-xuân sớm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nguồn số liệu

Số liệu sử dụng trong luận án gồm số liệu thống kê, số liệu tham khảo của các công trình nghiên cứu, của các cơ quan, của các nhà khoa học trong và ngoài nước và số liệu điều tra hộ bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp với hệ thống câu hỏi được soạn thảo trước. Tổng số hộ điều tra là 154 hộ ở 4 xã: Văn Đức, Thạch Bàn, Đặng Xá và Lệ Chi. Chọn mẫu điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên đa cấp.

2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Các phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp hàm sản xuất, phương pháp dự đoán ngắn hạn, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp chuyên gia đã được áp dụng trong phân tích số liệu.

Phương pháp hàm sản xuất được áp dụng để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất đến kết quả sản xuất rau của hộ. Trong luận án chúng tôi đã áp dụng hàm Cobb-Douglas với các biến sau đây:

$$Y = A \cdot x_1^{\alpha_1} \cdot x_2^{\alpha_2} \cdot x_3^{\alpha_3} \cdot x_4^{\alpha_4} \cdot x_5^{\alpha_5} \cdot x_6^{\alpha_6} \cdot x_7^{\alpha_7} \cdot e^{\beta D}$$

Trong đó: Y: năng suất rau (kg/ha) là biến phụ thuộc

A: Hệ số tự do

x_1 : Lượng giống (cây/ha)

x_2 : Phân chuồng (tạ/ha)

x_3 : Urê (kg/ha)

x_4 : Phốt phát-super (kg/ha)

x_5 : Kali clorua (kg/ha)

x_6 : Thuốc trừ sâu (1000/ha)

x_7 : Công lao động (ngày người/ha)

D: Biến giả định về hiểu biết của người sản xuất

D = 1 đối với hộ hiểu biết nhiều

D = 0 đối với hộ hiểu biết ít

$\alpha_1, \alpha_2, \alpha_3, \dots, \alpha_7, \beta$ là các hệ số hồi quy cần ước lượng

Kết quả ước lượng các tham số được kiểm định ý nghĩa thống kê dựa trên các tiêu chuẩn R^2 , giá trị t và F.

Trong luận án chúng tôi đã áp dụng phương pháp dự đoán ngắn hạn dựa trên số liệu thống kê từ 1991-1998 để dự đoán sản lượng và năng suất rau của Gia Lâm đến 2010. Phương trình hồi quy sử dụng có dạng sau đây:

$$Y_t = a_0 + a_1 t$$

Trong đó Y_t : sản lượng dự đoán

t : thứ tự thời gian ($t = 1$ là năm thứ nhất cho đến $t=8$ là năm thứ 8)

a_0, a_1 : các tham số cần ước lượng

2.2.3. Hệ thống chỉ tiêu phát triển sản xuất rau

- Diện tích, năng suất, sản lượng và tốc độ phát triển của nó.
- Giá trị sản xuất, tốc độ phát triển của nó và tỉ trọng của nó trong ngành nông nghiệp, ngành trồng trọt.
- Tỉ lệ rau theo mùa vụ và theo chủng loại, tỉ lệ rau cao cấp, tỉ lệ rau an toàn, rau chế biến, rau xuất khẩu.
- Giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, thu nhập hỗn hợp, lãi, giá thành sản phẩm
- Mức độ thu hút lao động.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU HUYỆN GIA LÂM

3.1. Tình hình sản xuất rau của Hà Nội

Diện tích gieo trồng rau của Hà Nội có xu hướng tăng liên tục từ 5.017 ha năm 1991 lên 7.468 ha năm 1997, bình quân mỗi năm tăng 6,98%. Năng suất không ổn định, năm cao nhất đạt 169,9 tạ/ha, năm thấp nhất đạt 147,5 tạ/ha. Sản lượng rau tăng lên liên tục, năm 1997 đạt 118,134 nghìn tấn, bình quân mỗi năm tăng 5,73 nghìn tấn.

3.2. Thực trạng phát triển sản xuất rau của huyện Gia Lâm

3.2.1. Diện tích, năng suất và sản lượng rau huyện Gia Lâm

Diện tích gieo trồng rau của huyện Gia Lâm trong vòng 8 năm trở lại đây có xu hướng tăng lên liên tục, bình quân mỗi năm tăng 7,0%. So với toàn thành phố, Gia Lâm có diện tích gieo trồng rau đứng thứ 2 sau Đông Anh.

Năng suất đạt trên 120 tạ/ha, năm cao nhất đạt 153,3 tạ/ha. Năng suất rau của Gia Lâm chưa cao và không ổn định.

Sản lượng rau huyện Gia Lâm năm 1998 là 17.951 tấn, có xu hướng tăng liên tục, bình quân mỗi năm tăng 7,2 %.

3.2.2. Cơ cấu rau

Cơ cấu mùa vụ còn bất hợp lý, trong đó 83,31% diện tích gieo trồng rau tập trung vào vụ đông-xuân, còn vụ hè - thu chỉ chiếm 16,69% (Bảng 1).

Bảng 1: Diện tích gieo trồng rau phân theo vụ của Gia Lâm

Năm	Vụ đông-xuân		Vụ hè-thu	
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1991	772	85,12	135	14,88
1992	775	84,51	142	15,49
1993	872	88,44	114	11,56
1994	738	82,18	160	17,82
1995	817	76,21	255	23,79
1996	1.152	84,09	218	15,91
1997	1.090	84,84	194	15,11
1998	1.194	81,78	266	18,22
Bình quân	926,25	83,31	185,50	16,69

Nguồn: Tính từ số liệu phòng Thống kê huyện Gia Lâm cung cấp

Cơ cấu chủng loại rau cũng chưa phù hợp, chủ yếu là rau ăn lá: 51,05%, rau ăn quả: 17,62%, rau ăn củ: 31,33% (Bảng 2).

3.2.3. Chất lượng rau và các yếu tố ảnh hưởng

Phẩm cấp rau loại A còn thấp, chiếm 60-70%, loại C còn chiếm 13,5% - 14,3% tùy theo nhóm rau (Bảng 3). Rau sản xuất ra chưa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Nguyên nhân là do tác động của nhiều yếu tố đặc biệt là lạm dụng thuốc sâu, phân hoá học và không đảm bảo thời gian cách ly.

Bảng 2: Diện tích gieo trồng phân theo nhóm rau

Năm	Nhóm rau					
	Rau ăn lá		Rau ăn quả		Rau ăn củ	
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1991	412	45,42	188	20,30	307	33,85
1992	441	48,09	183	19,96	293	31,95
1993	476	48,28	165	18,15	345	34,99
1994	428	47,66	163	17,72	307	34,19
1995	540	50,37	190	17,08	342	31,91
1996	744	56,31	234	18,85	392	28,61
1997	617	48,05	242	18,85	425	33,10
1998	882	60,42	202	14,31	376	25,27
Bình quân	567,5	51,05	195,88	17,62	348,37	31,33

Nguồn: Tính từ số liệu phòng thống kê huyện Gia Lâm cung cấp

Bảng 3: Phẩm cấp rau đạt được của huyện Gia Lâm

Tên rau	Phẩm cấp		
	A (%)	B (%)	C (%)
I. Nhóm rau ăn lá	69	17,5	13,5
1. Bắp cải	68	25	7
2. Cải canh	70	10	20
II. Nhóm rau ăn quả	70	15,7	14,3
1. Cà chua	64	21	15
2. Cà tím	73	19	8
3. Cà pháo	83	10	7
4. Đậu Hà Lan	62	20	18
5. Đậu ăn quả	63	21	16
6. Dưa chuột	70	15	15
8. Bí đỏ	65	10	25
9. Mướp	80	10	10
III. Nhóm rau ăn củ	59,7	26,3	14
1. Củ cải	48	31	21
2. Cà rốt	63	28	9
3. Su hào	68	20	12

Nguồn: số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra năm 1999

3.2.4. Hiệu quả kinh tế một số cây rau chính ở huyện Gia Lâm

- Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trên 1 ha rau từ 7,793-15,361 triệu đồng, chiếm 48 - 83% tổng giá trị sản xuất, trong đó chi phí lao động là lớn nhất, chiếm 47,71%- 65,70% tùy từng loại rau. Đáng lưu ý là chi phí thuốc trừ sâu khá lớn, chiếm từ 6,20%- 13,91%. Vậy để giảm chi phí trong sản xuất rau điều quan trọng là phải tác động đến khâu bảo vệ thực vật và đầu tư lao động.

- Hiệu quả kinh tế một số cây rau chính ở huyện Gia Lâm

Trên 1 héc-ta gieo trồng rau đạt giá trị sản xuất từ 16 - 53 triệu đồng, thu nhập hỗn hợp 9 - 48 triệu đồng, lãi từ 2 - 38 triệu đồng tùy từng loại rau. Bắp cải là cây mang lại hiệu quả cao nhất. Nhìn chung rau ăn lá là cây dễ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn các cây rau khác do năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn, dễ chăm sóc và tỏ ra có ưu thế ở Gia Lâm.

- Hiệu quả kinh tế một số công thức luân canh với rau

Trên đất 2 lúa, công thức lúa xuân- lúa mùa- bắp cải; trên đất màu, công thức ngô- cải củ- bắp cải; trên đất bãi, công thức bắp cải đông- bí đỏ cho giá trị sản xuất trên héc-ta canh tác và các chỉ tiêu hiệu quả khác đều cao nhất. Các công thức luân canh này còn gồm các cây rau mùa hè, có thể khai thác để góp phần tăng sản lượng rau mùa hè. Các công thức có cây đậu đỗ tuy cho hiệu quả kinh tế không cao nhưng có tác dụng tốt trong cải tạo đất nên cần khai thác phù hợp trong hệ thống luân canh.

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất rau huyện Gia Lâm

3.3.1. Mức đầu tư các yếu tố đầu vào

Mức sử dụng phân đạm trên đơn vị diện tích đã khá cao nhưng thiếu cân đối, trong đó kali chưa được coi trọng. Tình hình sử dụng đầu vào như trên đã dẫn đến sử dụng không hiệu quả đầu vào (lợi suất giảm theo qui mô: tổng các hệ số cơ giãn đầu vào ở bắp cải là 0,413, ở su hào 0,808) và ảnh hưởng đến chất lượng rau (Bảng 4).

3.3.2. Yếu tố con người

Kết quả nghiên cứu cho thấy trình độ hiểu biết của nông dân hiện nay còn thấp. Tuy nhiên, hộ có hiểu biết nhiều có biểu hiện sử dụng phân bón đúng liều lượng và cân đối, tiết kiệm giống, biết tận dụng lao động để đầu tư chăm sóc nên năng suất đạt được cao hơn nhóm hộ hiểu biết ít.

Bảng 4: Kết quả ước lượng các hệ số hồi quy của hàm sản xuất cây bắp cải và su hào

Các biến số	Hệ số	Bắp cải	Su hào
Hệ số tự do	α_0	5,550	0,997
Cây giống	α_1	0,061	0,636***
Phân hữu cơ	α_2	0,007	0,004
Ure	α_3	0,021	0,092
Lân	α_4	0,043 **	-0,030
Kali	α_5	-	-0,025***
Thuốc sâu	α_6	0,060 *	-0,057
Công lao động	α_7	0,221 ***	0,188*
Hiểu biết kỹ thuật	β	0,067 *	0,196*

***, **, *: Có ý nghĩa thống kê ở mức 0,01; 0,05 và 0,1.

3.3.3. Tiêu thụ sản phẩm

- Các hình thức tiêu thụ sản phẩm

Có nhiều hình thức tiêu thụ rau, mỗi hình thức đều có những ưu nhược điểm nhất định. Trong các hình thức bán rau hiện nay, bán buôn tại chợ là hình thức phổ biến nhất. Số hộ bán theo hình thức này chiếm 56,28% tổng số lượt hộ điều tra và với sản lượng rau bán tương ứng là 64,6% (Bảng 5).

- Lãi trong tiêu thụ rau xanh

Phân chênh lệch (gồm lãi và chi phí lưu thông) do tiêu thụ mang lại chiếm 27% - 46,3% giá bán lẻ tùy thuộc nhóm rau, phần này thấp so với nhiều nước phát triển trên thế giới, do đó không hấp dẫn lực lượng trung gian thu gom và bán

buôn, kìm hãm sự hình thành và phát triển tầng lớp này. Đó là một tồn tại mà muốn tháo gỡ cần giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề.

- Sự biến động giá rau xanh

Giá rau thấp và không ổn định, giá đầu vụ cao gấp 2 đến 3 lần, thậm chí gấp 8 lần so với lúc thu hoạch chính vụ. Biến động lớn nhất là giá rau cao cấp, đó chính là một nguyên nhân làm cho cơ cấu rau cao cấp tăng chậm.

Bảng 5: Tỷ lệ hộ và tỷ lệ rau bán theo các hình thức bán khác nhau

Hình thức bán	Tỷ lệ hộ tham gia (%)	Tỷ lệ rau bán (%)
Bán rong	2,32	1,65
Bán lẻ tại chợ địa phương	29,31	24,04
Bán cho khách sạn và nhà hàng	0,46	0,66
Bán cho cơ sở chế biến	0	0
Bán cho cơ sở xuất khẩu	0	0
Bán buôn tại chợ	56,28	64,60
Bán buôn tại ruộng	11,63	9,08
Tổng số	100,00	100,00

Nguồn: tổng hợp từ phiếu điều tra 1998

3.3.4. Vấn đề sản xuất rau an toàn

Sản xuất rau an toàn trong thời gian qua tiến triển chậm nhưng bước đầu đã đem đến cho người nông dân những hiểu biết mới về kỹ thuật canh tác, môi trường, sức khoẻ cộng đồng... là sự khởi đầu cho nền nông nghiệp sinh thái.

Ngoài các yếu tố đã trình bày từ phần 3.3.1 đến 3.3.4, phát triển sản xuất rau của Gia Lâm trong thời gian qua còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác, như cơ chế, chính sách, tiến bộ khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất, ngoại cảnh, kỹ thuật canh tác...

3.4. Những khó khăn, hạn chế và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm

3.4.1. Ý kiến của người sản xuất

· Tìm hiểu những khó khăn của người sản xuất cho thấy: có gần 51% số hộ thiếu vốn sản xuất, 46,25% số hộ cho rằng sản xuất rau đòi hỏi quá nhiều công lao động, 100% hộ cho rằng thời tiết và sâu bệnh có ảnh hưởng lớn đến năng suất rau, 90,62% số hộ cho rằng khó khăn về thuỷ lợi đã hạn chế việc mở rộng diện tích, 100% hộ cho rằng khó khăn lớn nhất là thị trường tiêu thụ sản phẩm.

3.4.2. Những khó khăn và hạn chế ảnh hưởng đến phát triển sản xuất rau của Gia Lâm

Những khó khăn và hạn chế:

- 1) Sản xuất rau của Gia Lâm vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán, sức ép về đô thị hoá làm cho diện tích giảm nên phải tăng cường áp dụng khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất và chất lượng
- 2) Cạnh tranh trên thị trường ngày một mạnh mẽ hơn nên đòi hỏi phải nâng cao chất lượng để đáp ứng yêu cầu thị trường
- 3) Mất bằng về hiểu biết kỹ thuật và ý thức của nông dân còn hạn chế
- 4) An toàn vệ sinh thực phẩm rau chưa bảo đảm
- 5) Cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu
- 6) Tiêu thụ sản phẩm khó khăn
- 7) Các chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển sản xuất rau còn ít

Những vấn đề đặt ra cần giải quyết:

- 1) Sản xuất hàng hoá tập trung
- 2) Nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm rau
- 3) Hiện đại hoá ngành sản xuất rau và tạo ra bước đột phá trong phát triển
- 4) Giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ
- 5) Tăng cường các chính sách vĩ mô của Nhà nước.

CHƯƠNG 4: NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU Ở HUYỆN GIA LÂM

4.1. Căn cứ phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm

4.1.1. Quan điểm về phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm

- 1) Sản xuất rau của Gia Lâm phải phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

2) Sản xuất rau của Gia Lâm phải phát triển theo hướng đa dạng hoá sản phẩm và cung cấp rau quanh năm.

3) Sản xuất rau của Gia Lâm phải đi lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

4) Phát triển sản xuất rau của Gia Lâm phải quán triệt quan điểm phát triển hiệu quả và bền vững, bảo vệ cảnh quan và cải tạo môi sinh, môi trường.

4.1.2. Căn cứ nhu cầu rau trong thời gian tới

Nhu cầu rau trong nước, xuất khẩu và nhu cầu rau an toàn ngày càng tăng là động lực thúc đẩy ngành rau của Gia Lâm phát triển.

4.1.3. Phương hướng và mục tiêu phát triển sản xuất rau của huyện Gia Lâm giai đoạn 2000 – 2010

1) Phát triển sản xuất rau để đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường với sản lượng ngày càng nhiều, chủng loại ngày càng phong phú, tăng khối lượng rau an toàn và rau chế biến.

2) Đưa sản xuất rau của huyện trở thành ngành sản xuất hàng hoá quy mô lớn tập trung gắn với lưu thông phân phối và chế biến dự trữ với kỹ thuật tiến bộ, được thu hái và xử lý theo tiêu chuẩn quốc tế; lấy sản xuất rau an toàn làm mũi nhọn.

3) Tăng sản xuất rau cao cấp, rau an toàn với chất lượng cao cung cấp cho thị trường nội thành và khách sạn để thay thế rau nhập khẩu.

4) Đưa diện tích gieo trồng rau đến năm 2010 lên 2.800 ha, sản lượng 51.800 tấn, giá trị sản lượng 48,6 tỉ, tỉ trọng ngành rau trong ngành nông nghiệp trên 10% với cơ cấu: 40% rau ăn lá cao cấp, 45% rau ăn quả và củ, 8% rau gia vị, 7% rau khác, chế biến 20- 30%.

4.2. Những biện pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm

4.2.1. Ứng dụng khoa học kỹ thuật mới và công nghệ tiên tiến

- *Biện pháp về giống:* Giống là yếu tố quan trọng hàng đầu để đảm bảo năng suất và chất lượng rau, chuyển dịch cơ cấu rau theo hướng cao cấp hoá sản phẩm. Vì vậy, đến năm 2010 cần đưa tỉ lệ giống mới lên 50% diện tích gieo trồng, chú ý các giống rau cao cấp: bắp cải, cà chua, dưa chuột, hành tây, ngô bao tử, tăng các giống trái vụ và chín sớm, đưa các giống thích hợp với chế biến vào

sản xuất. Để thực hiện được vấn đề đó phải đẩy mạnh nghiên cứu chọn tạo, sản xuất giống và nhập nội đồng thời tổ chức tốt khâu giống ở các hộ gia đình.

- *Tưới tiêu khoa học*: Tưới tiêu khoa học nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng rau đồng thời sử dụng nước một cách hợp lý và tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật để từng bước hiện đại hoá ngành trồng rau. Trước mắt cần phải tu sửa, nâng cấp hệ thống trạm bơm, kênh mương đã có và xây mới hệ thống tưới phun cho vùng sản xuất rau an toàn.

- *Áp dụng rau thủy canh, nhà lưới*: Trồng rau trong điều kiện được bảo vệ nhờ áp dụng phương pháp thủy canh, trồng rau trong nhà lưới để sản xuất rau quanh năm đồng thời để kiểm soát lượng phân bón, sâu bệnh hại, tăng năng suất, tạo điều kiện làm việc hiện đại cho người nông dân và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành, phù hợp với xu thế phát triển. Trước mắt xây dựng hệ thống nhà lưới phục vụ cho sản xuất rau gia vị và rau trái vụ.

- *Tăng cường sản xuất rau an toàn*: Phần đầu đưa diện tích rau an toàn lên 92% vào năm 2010. Trước mắt cần phổ cập rộng rãi quy trình rau an toàn cho nông dân qua các lớp tập huấn, nâng cao kiến thức, giáo dục ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, môi trường, tăng cường kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn cho người sản xuất và kinh doanh, tăng cường áp dụng biện pháp sinh học và quản lý dịch hại tổng hợp.

- *Tăng cường chế biến và áp dụng công nghệ sau thu hoạch*: Tăng cường chế biến là biện pháp nhằm giải quyết đầu ra cho nông dân, góp phần điều chỉnh cung, ổn định giá cả, tăng dự trữ, tăng giá trị sản phẩm đồng thời tăng dịch vụ và việc làm. Đưa tỉ lệ chế biến lên 20-30% sản lượng đối với các loại rau như dưa chuột, ngô bao tử, cà chua, bắp cải, đậu rau, hành... Chú ý dạng rau hỗn hợp đông lạnh thái sẵn và chế biến nước quả, chú ý quy mô vừa và nhỏ.

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích tư nhân đầu tư xây dựng kho chứa, vận chuyển lạnh, xây dựng nhà máy chế biến, bằng chính sách hỗ trợ vốn vay dài hạn, lãi suất thấp, ưu đãi thuế. Tăng cường khâu bao bì đóng gói để bảo đảm vệ sinh cho rau và tăng sự hấp dẫn đối với sản phẩm, hỗ trợ cho tiêu thụ sản phẩm dễ dàng hơn.

- *Tăng cường khuyến nông và chuyển giao công nghệ mới:* Nhà nước cần đầu tư cho nghiên cứu và phát triển công nghệ cho ngành rau, thử nghiệm công nghệ trồng rau tiên tiến, xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn nâng cao kỹ thuật canh tác, đặc biệt là canh tác hữu cơ nhằm tạo ra tập quán sản xuất mới góp phần xây dựng nền nông nghiệp sạch, hiện đại.

4.2.2. Giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm

- *Quy hoạch, xây dựng mạng lưới chợ bán buôn, bán lẻ:* Chợ bán buôn là nơi tập kết sản phẩm của vùng để từ đó vận chuyển và phân phối đi các nơi trong và ngoài vùng. Hiện nay hệ thống chợ bán buôn của nước ta thực chất mới chỉ là những tụ điểm bán tạm thời trên các ngã đường vào thành phố. Vì vậy Nhà nước cần có quy hoạch và xây dựng chợ bán buôn. Gia Lâm cần nghiên cứu xây dựng chợ bán buôn tại Thạch Bàn, nâng cấp chợ Đa Tốn, chợ Sủi, chợ Keo và chợ Ninh Hiệp, xây dựng thêm các chợ ở Bát Tràng, Đông Dư, Cự Khối, Dương Hà để nông dân có địa điểm bán thuận lợi, bảo đảm vệ sinh, văn minh, lịch sự, góp phần xây dựng nông thôn mới, đưa thương mại dịch vụ vào phục vụ nông thôn, đưa nông thôn tiến kịp thành thị.

- *Tiêu thụ sản phẩm có tổ chức:* Để giải quyết ách tắc trong khâu tiêu thụ sản phẩm cần phải hướng vào tiêu thụ có tổ chức, hình thành hiệp hội những người trồng rau, các HTX tiêu thụ, các tổ hợp tác tiêu thụ để giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm. Các tổ chức này sẽ đảm nhiệm việc thu gom, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói các sản phẩm đủ tiêu chuẩn tươi bán buôn cấp I cho các tư thương buôn chuyển, hoặc có điều kiện sẽ vận chuyển đến các thị trường bán buôn ở thành phố, các cơ sở chế biến, siêu thị. Xây dựng cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động tiêu thụ sản phẩm: nhà tập kết sản phẩm, băng chuyền phục vụ cho việc hoàn thiện sản phẩm, bao bì đóng gói, phương tiện bốc dỡ... Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ vốn để khuyến khích hình thành các tổ chức kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng như tiêu thụ rau.

- *Tổ chức hợp lý kênh tiêu thụ rau xanh:* Hình thành các kênh tiêu thụ có tổ chức nhằm khắc phục tình trạng tự phát, đưa sản xuất và lưu thông đi vào chuyên môn hoá.

4.2.3. Hoàn thiện tổ chức sản xuất và dịch vụ

- *Hoàn thiện vùng sản xuất rau hàng hoá tập trung*: Việc quy hoạch sản xuất rau tập trung là cần thiết vì đó là tiền đề cho sản xuất hàng hoá quy mô lớn tập trung, gắn sản xuất với tiêu thụ, chế biến công nghiệp và xuất khẩu, xây dựng vùng rau chuyên canh 1.705 ha.

- *Tổ chức tốt các dịch vụ*: Tổ chức hợp lý dịch vụ phân bón, thuốc trừ sâu, công cụ chuyên dùng với giá cả phù hợp, cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật, thị trường để tăng khả năng thâm nhập thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh một cách bền vững.

4.2.4. Các chính sách vĩ mô quan trọng

- *Chính sách đầu tư*: Đầu tư cho nghiên cứu tạo giống, phát triển công nghiệp chế biến, phát triển công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng

- *Chính sách tín dụng*: Tăng cường vốn tín dụng dài hạn cho vùng rau giúp nông dân hiện đại hoá ngành trồng rau: xây đường nội đồng, xây nhà lưới, kho bảo quản, mua trang thiết bị cho công nghệ sau thu hoạch, mua phương tiện vận chuyển, với số vốn 30-50 triệu đồng trong thời hạn 3-5 năm với lãi suất ưu đãi 5%/năm.

- *Chính sách khuyến nông và phát triển dân trí*: khuyến khích và hỗ trợ các gia đình mạnh dạn đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất, tăng cường kinh phí phổ biến qui trình sản xuất rau an toàn và quản lý dịch hại tổng hợp, xây dựng trung tâm dạy lái xe vận chuyển, bảo vệ thực vật, kinh doanh nông nghiệp v.v... Đặc biệt chú ý khuyến khích thanh niên nông thôn lập nghiệp.

- *Chính sách giá*: Hỗ trợ giá đầu vào và đầu ra cho người trồng rau

Trên đây là những biện pháp chủ yếu nếu được thực thi thuận lợi chắc rằng sẽ mang lại hiệu quả dự báo như sau:

Diện tích gieo trồng sẽ tăng gấp 1,97 lần, sản lượng và giá trị sản lượng 2,88 lần, năng suất 1,5 lần, diện tích trồng giống mới sẽ là 50%, rau an toàn 92-100%, tỉ lệ rau cao cấp 50%, giá trị do ngành rau mang lại sẽ tăng lên 2,88 lần, giá trị sản xuất trên héc-ta gieo trồng 17,39 triệu đồng, lãi trên héc-ta gieo trồng 9,04 triệu đồng, hệ số sử dụng ruộng đất 2,51 lần. Tạo thêm việc làm để thu hút

7.000 lao động, góp phần tăng sức khỏe, nâng cao chất lượng bữa ăn, tạo thu nhập từ du lịch sinh thái. Tăng sản xuất rau an toàn sẽ góp phần làm lành mạnh môi trường, tạo ra sự cân bằng sinh thái bảo đảm phát triển bền vững, giảm độc hại đối với người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường áp dụng các công thức luân canh rau có tác dụng cải tạo đất, ổn định năng suất cây trồng, nâng cao giá trị sản xuất và hiệu quả trên đơn vị diện tích.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Phát triển sản xuất rau ở huyện Gia Lâm, Hà Nội hiện nay là một vấn đề vô cùng cấp thiết và quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, lợi ích của người sản xuất và tiêu dùng, góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn vùng ven đô.
2. Nhà nước có vai trò quyết định trong việc khuyến khích và bảo hộ phát triển sản xuất rau thông qua các chủ trương (quy vùng chuyên canh, áp dụng giống có chất lượng cao, thực hiện luân canh, sản xuất rau an toàn, nâng cao trình độ kỹ thuật cho nông dân...) và các chính sách (đầu tư khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hoá đối với sản xuất rau, chú trọng công nghệ sau thu hoạch, thông tin thị trường, trợ giá đầu vào cho nông dân...)
3. Thực trạng phát triển sản xuất rau của Gia Lâm từ 1991-1998 biểu hiện như sau:
 - Về phát triển: Diện tích và sản lượng tăng trưởng khá, bình quân diện tích tăng 7,0%/năm và sản lượng tăng 7,2%/năm. Năng suất chưa cao và không ổn định. Cơ cấu mùa vụ và chủng loại rau chưa tiến bộ, hiện nay tập trung chủ yếu vào vụ đông xuân (83,31% diện tích), rau ăn lá và củ là chính (82,38% diện tích). Phẩm cấp rau còn thấp, sức cạnh tranh yếu.
 - Về hiệu quả kinh tế: Chưa cao, lãi thường mới đạt 2 – 38 triệu đồng/ha, lãi trên nghìn đồng chi phí mới đạt 0,17- 2,46 nghìn đồng, giá thành còn cao (0,36- 1,25 nghìn đồng/kg) tùy từng loại rau.

- Khai thác lợi thế: Chưa khai thác có hiệu quả lợi thế về con người, ven đô, gần nhiều cơ sở khoa học kỹ thuật. Tồn tại, khó khăn vẫn còn nổi cộm như: sản xuất nhỏ và phân tán; cơ sở vật chất và trình độ kỹ thuật hạn chế; chưa đảm bảo sản xuất rau an toàn; bảo quản, chế biến và tiêu thụ rau còn nhiều bất cập; chính sách khuyến khích phát triển sản xuất rau thiếu đồng bộ và chưa thật sự mạnh mẽ.
4. Ứng dụng khoa học kỹ thuật mới và công nghệ tiến tiến là biện pháp có tính quyết định đối với việc phát triển sản xuất rau của huyện Gia Lâm trong giai đoạn 2000 – 2010. Theo chúng tôi cần tập trung vào các khâu: giống, sản xuất rau an toàn, rau thủy canh và nhà lưới, công nghệ sau thu hoạch. Đây mới là những vấn đề thiết thực nâng cao chất lượng rau và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
 5. Thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô như đầu tư, tín dụng, khuyến nông, giá cả... là biện pháp rất quan trọng đối với phát triển sản xuất rau ở Gia Lâm. Trong đầu tư và tín dụng cần ưu tiên cho cơ sở hạ tầng, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thông tin, nhà lưới, phương tiện vận chuyển...
 6. Quy hoạch và tổ chức hợp lý mạng lưới tiêu thụ, hình thành các tổ chức tiêu thụ rau là biện pháp cấp thiết. Trong đó cần nghiên cứu hệ thống chợ bán buôn Thạch Bàn, nâng cấp các chợ Đa Tốn, Sùi, Keo, Ninh Hiệp, Bát Tràng, Cự Khối,... gắn với việc hình thành các HTX, tổ hợp tác tiêu thụ và hiệp hội người trồng rau.

Song song với biện pháp trên cần hoàn thiện các vùng sản xuất rau hàng hoá tập trung ở các tiểu vùng ven sông Đuống, sông Hồng cũng như tổ chức tốt các dịch vụ đầu vào cho người trồng rau như: phân bón, thuốc trừ sâu, thông tin kỹ thuật và thị trường...

7. Nếu các biện pháp chủ yếu trên được thực thi thuận lợi chắc rằng sẽ mang lại hiệu quả theo dự báo như sau:

- *Về kinh tế:* Diện tích gieo trồng sẽ tăng gấp 1,97 lần, sản lượng và giá trị sản lượng 2,88 lần, năng suất 1,5 lần, diện tích trồng giống mới sẽ là 50%, rau an toàn 92-100%, tỉ lệ rau cao cấp 50%, giá trị do ngành rau mang lại sẽ

tăng lên 2,88 lần, giá trị sản xuất trên héc-ta gieo trồng 17,39 triệu đồng, lãi trên héc- ta gieo trồng 9,04 triệu đồng, hệ số sử dụng ruộng đất 2,51 lần, tạo ra hiệu quả tổng hợp và thu nhập từ du lịch sinh thái.

- *Về hiệu quả xã hội:* Tạo thêm việc làm để thu hút 7.000 lao động, góp phần hạn chế tiêu cực xã hội ở nông thôn. Tăng sản xuất rau an toàn và rau cao cấp sẽ góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn, du lịch sinh thái, tăng sức khoẻ của người dân.

- *Về hiệu quả môi trường :* Tăng sản xuất rau an toàn sẽ góp phần làm lành mạnh môi trường, tạo ra sự cân bằng sinh thái bảo đảm phát triển bền vững, giảm độc hại đối với người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường áp dụng các công thức luân canh rau có tác dụng cải tạo đất, ổn định năng suất cây trồng.

II. KIẾN NGHỊ

- *Đối với Nhà nước*

1. Đề nghị Nhà nước có chính sách khuyến khích hình thành các vùng sản xuất rau hàng hoá tập trung gắn với chế biến.
2. Nhà nước cần đưa sản xuất rau trong nhà lưới, thủy canh và tưới tiêu khoa học vào chương trình phát triển sản xuất rau giai đoạn 2000-2010 để tạo bước đột phá trong phát triển.
3. Đề nghị Nhà nước giành một số vốn để nhập công nghệ chế biến nước rau quả giải khát là mảng còn bỏ ngỏ hiện nay.

- *Đối với chính quyền địa phương*

Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn, tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ thuật và thị trường, tổ chức tốt dịch vụ khâu giống, phân bón, thuốc trừ sâu. tìm kiếm thị trường giúp nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất.

- *Đối với hộ gia đình:*

Cần thực hiện triệt để quy trình sản xuất rau an toàn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Bùi Thị Gia (1993), " Trao đổi về vấn đề đưa chế biến rau, quả vào nông thôn ", *Thông tin Khoa học Kỹ thuật*, Ủy ban Khoa học-Kỹ thuật, (3), Hà Nội, tr. 19-20.
2. Bùi Thị Gia (1994), " Những vấn đề đặt ra đối với việc phát triển sản xuất rau của Hà Nội hiện nay ", *Kết quả nghiên cứu khoa học*, Quyển 1, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 185-187.
3. Bùi Thị Gia (1995), " Ảnh hưởng của một số yếu tố đến hiệu quả sản xuất cà chua ở HTX Thạch Bàn, Gia Lâm Hà Nội ", *Kết quả nghiên cứu và trao đổi khoa học 1992-1994*, Khoa Kinh tế Nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, tr.127-129.
4. Bùi Thị Gia (1997), " Ảnh hưởng của cải cách quản lý kinh tế trong nền nông nghiệp đối với sản xuất rau Hà Nội ", *Kết quả nghiên cứu khoa học kinh tế nông nghiệp 1995-1996*, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr.75-80
5. Bùi Thị Gia (1997), " Hệ thống Marketing rau xanh Hà Nội ", *Thông tin Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp*, Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội, (2), tr.86-90.
6. Bùi Thị Gia (1998), " Khảo sát bước đầu về hệ thống marketing rau xanh ở Hà Nội hiện nay ", *Tạp chí Kinh tế nông nghiệp*, (1), tr. 21-23.
7. Bùi Thị Gia (1999), " Phân tích tình hình sử dụng đất vào trong sản xuất rau xanh ở Gia Lâm, Hà Nội ", *Tạp chí Nông nghiệp Công nghiệp thực phẩm*, (7), tr.311-313
8. Bùi Thị Gia (1999), " Vegetable production and marketing in the Hanoi suburb-Current situation and challenges ", *Agricultural products marketing in Japan and Vietnam*, Proceedings of the 1st Joint Workshop at Faculty of Economics and Rural Development organized by Hanoi Agricultural University and HAU-JICA ERCP Project Office, June 30-July 2, 1999, pp 37-46
9. Bùi Thị Gia and Wolfgang Bokelmann (2000), " Key study on vegetable production in the district of Gia Lam, Hanoi City, Vietnam " *In: Proceedings of the 14th International Symposium on Horticultural Economics*, Guernsey, U.K., 12-15 September 2000, pp 355-362.